

NHỮNG BƯỚC THĂNG TRẦM TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - VƯƠNG QUỐC ANH (TỪ NĂM 1973 ĐẾN NAY)

Bùi Hồng Hạnh (*)

Vương quốc Anh không chỉ là một trong những thành viên chủ chốt của Liên minh châu Âu mà còn là quốc gia có ảnh hưởng trên thế giới, đặc biệt ở khía cạnh lịch sử văn hoá. So với các mối quan hệ với nhiều nước Tây Âu khác, quan hệ Việt Nam - Vương quốc Anh có một tiến trình lịch sử dài và trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm. Mối quan hệ song phương này hiện nay được đánh giá là “chưa tương xứng với tiềm năng”, có lẽ vì vậy chưa thực sự được quan tâm và nghiên cứu sâu sắc. Tuy nhiên trong xu thế hội nhập và châu Âu đang ngày càng trở thành đối tác quan trọng của Việt Nam thì việc nghiên cứu các mối quan hệ song phương này là điều cần thiết. Bằng cách khái quát lại tổng thể quan hệ Việt Nam - Vương quốc Anh, bài viết này mong muốn được đóng góp một phần nhỏ bé vào việc nghiên cứu quốc tế cũng như thúc đẩy mối quan hệ song phương nhiều tiềm năng này.

1. Quan hệ Việt - Anh: Những bước khởi đầu

Chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 9.11.1973, song Việt Nam và Vương quốc Anh đã có những mối liên hệ từ nhiều thế kỷ trước.

Sau những phát kiến đại lý vĩ đại vào thế kỷ XV, XVI, phương Tây ngày càng mở rộng quan hệ buôn bán với phương Đông. Ngoài các quốc gia châu Á đã có

quan hệ buôn bán với Việt Nam từ trước, thời kỳ này đã xuất hiện những nhà buôn đến từ châu Âu như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... Sau gần một thế kỷ bị thực dân Pháp xâm lược và đô hộ, người ta nhắc nhiều đến ảnh hưởng của văn hoá Pháp đối với Việt Nam. Chính vì vậy, thật thú vị khi phát hiện rằng, trong quá trình xâm nhập của phương Tây vào Việt Nam, người Anh đã có mặt trước người Pháp và cũng đã rất nỗ lực để thiết lập quan hệ giao thương với các triều đại phong kiến Việt Nam.

Ngay từ đầu thế kỷ XVII, các thương nhân Anh đã tìm mọi cách mở rộng ảnh hưởng của mình sang khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Năm 1613, thuyền trưởng Anh Cavanden (Carwanden) đã đặt chân đến Hội An xin lập thương điểm nhưng không thành công [9, tr.80]. Phải đến 10 năm sau, bằng rất nhiều nỗ lực, các thương gia Anh mới được Chúa Trịnh cho phép lập thương điểm ở Phố Hiến và 10 năm sau nữa mới có mặt ở Kẻ Chợ. Lúc này Việt Nam đang trong tình trạng phân tranh giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, đây là thời kỳ ngoại thương của Việt Nam tương đối phát triển do cả hai dòng họ Trịnh – Nguyễn đều muốn tranh thủ nguồn cung cấp vũ khí của các lái buôn phương Tây. Tuy nhiên việc buôn bán của người Anh cũng không mấy khả quan do chính quyền phong kiến nắm

(*) ThS., Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN.

độc quyền mua bán, lại thường mua chịu, trả chậm. Thêm vào đó những mặt hàng chính của Anh như len dạ, đồ xa xỉ lại không phải là mặt hàng Chúa Đàng Ngoài đang cần phục vụ cho cuộc chiến phân tranh. Do vậy, cuối thế kỷ XVII, năm 1697, thương điếm của Anh ở Đàng Ngoài buộc phải đóng cửa [5, tr.155]. Việc buôn bán của người Anh ở Đàng Trong cũng gặp phải những khó khăn tương tự, thậm chí người Anh đã có xô xát với quân của Chúa Nguyễn Phúc Chu trong việc xâm chiếm Côn Lôn.

Sang thế kỷ XVIII, người Anh tiếp tục nỗ lực thiết lập quan hệ giao thương với Việt Nam, tuy nhiên mục đích của họ đã có phần thay đổi. Cuộc cách mạng công nghiệp xuất phát từ nước Anh tạo nên bước ngoặt trong lịch sử nhân loại và dẫn đưa nước Anh trở thành bá chủ thế giới. Nhu cầu mở rộng thuộc địa đã trở thành phần thiết yếu để phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, trong quan hệ với các nước phương Đông, các thương nhân phương Tây nói chung và người Anh nói riêng không chú trọng nhiều đến lợi nhuận buôn bán như thời kỳ trước mà muốn mở rộng giao thương chặt chẽ hơn nhằm điều tra và tìm cách mở đường cho mưu đồ xâm lược. Sau vụ Côn Lôn năm 1702, tàu Rumbôn (Rumbold) của thương gia Sapman (Chapman) đã quay lại Đàng Trong tìm cách đặt lại quan hệ. Đây là thời kỳ cầm quyền của nhà Tây Sơn, quan hệ giữa hai bên đã có những biểu hiện tốt đẹp chưa từng có trước đó. Sapman đã được Vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc đón tiếp trọng thể, hai bên đã giới thiệu những mặt hàng có thể trao đổi. Vua Tây Sơn còn cho phép các thuyền buôn của Anh

vào các cửa biển do Tây Sơn kiểm soát [6]. Tuy nhiên nhiều thoả thuận buôn bán đã không thể thực hiện do cuộc chiến tranh giữa quân Tây Sơn và nhà Nguyễn.

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, bước sang thế kỷ XIX châu Á trở thành miếng mồi cho các nước thực dân phương Tây tranh giành nhằm mở rộng thuộc địa. Vì vậy sự có mặt của người phương Tây ở đây dù với bất cứ lý do nào cũng gây tâm lý lo ngại về vấn đề chủ quyền. Tại Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn vừa giành lại vương quyền nên đã thực hiện các chính sách đối ngoại “bế quan toả cảng”. Những thông tin về sức mạnh và sự bành trướng của Anh trên khắp thế giới đã khiến vua quan nhà Nguyễn coi Anh như một mối nguy xâm lược đáng sợ. Thêm vào đó, Anh cũng đã từng có những xung đột với triều đình Việt Nam. Trước thái độ của nhà Nguyễn, Anh vẫn rất tích cực đến đề nghị đặt quan hệ. Hàng loạt các sứ thần Anh đã đến đưa thư, tặng quà và xin mở cửa hiệu buôn bán, song đều bị từ chối. Như vậy trong suốt gần cả thế kỷ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, các thương gia Anh đã nhiều lần đến Việt Nam nhằm thiết lập quan hệ song vì nhiều lý do khách quan cũng như chủ quan, kết quả đạt được hầu như không đáng kể.

Vào nửa đầu thế kỷ XX, một giai đoạn khốc liệt, nhân loại phải trải qua liên tiếp hai cuộc chiến tranh thế giới. Với vị thế khác nhau, Anh là nước đế quốc thực dân, còn Việt Nam lại đứng trong hàng ngũ các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập dân tộc, hai bên không có quan hệ song phương trực tiếp.

Năm 1945, khi Việt Nam vừa giành độc lập từ phát xít Nhật, quân đội Anh với tư cách là lực lượng quân sự đồng minh đã vào giải giáp quân Nhật ở phía nam vĩ tuyến 16. Ngay sau đó, tháng 9.1945 Anh đã giúp Pháp quay trở lại Việt Nam, khởi động cuộc chiến tranh xâm lược tại Sài Gòn từ đêm 23.9.1945. Vì vậy, tháng 10 cùng năm, Anh đã lập tức công nhận chính quyền bù nhìn ở miền Nam Việt Nam do thực dân Pháp lập ra. Trước sự thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ, Anh đã ngăn cản ý đồ của Mỹ sử dụng “bom nguyên tử hạn chế” trên chiến trường này. Do lo ngại ảnh hưởng của cách mạng Việt Nam đối với các thuộc địa của mình ở Đông Nam Á, Anh tìm cách chấm dứt chiến tranh Đông Dương, tham gia Hội nghị Giơnevơ trên cương vị đồng chủ tịch với Liên Xô. Nhưng về cơ bản, Anh vẫn đứng về phía Mỹ để chống phá phong trào xã hội chủ nghĩa, ngăn cản cuộc đấu tranh thống nhất của nhân dân Việt Nam. Chính phủ Anh không ngăn chặn âm mưu xâm lược Việt Nam của Mỹ, không lên tiếng khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn có những hành động phá vỡ Hiệp định. Trong suốt giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của Việt Nam, Anh luôn thực hiện chính sách ủng hộ Mỹ, đã thiết lập quan hệ ở cấp đại sứ với chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên trong cuộc đấu tranh này, nhân dân Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ tại Anh cũng như trên toàn thế giới. Sáng kiến của nhà bác học Anh Bectơrăng Rutxen thiết lập Toà án quốc tế xử vụ Mỹ xâm lược Việt Nam được sự hưởng ứng tham gia của đông đảo trí thức trên thế giới. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân phản đối

chính sách xâm lược của Mỹ diễn ra sôi nổi, liên tục trong cả nước Anh.

Như vậy, nhìn lại những năm tháng lịch sử, có thể thấy, người Anh đã có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, song do nhiều lý do khách quan cũng như chủ quan, quan hệ giữa hai bên có nhiều trắc trở, chưa thực sự được thiết lập.

2. Quan hệ Việt - Anh - Giai đoạn trầm lắng 1973 - 1993

Thế chiến thứ hai vừa kết thúc năm 1945, thế giới lại bước ngay vào một cuộc chiến mới - Chiến tranh lạnh với sự đối đầu giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đã chi phối toàn bộ quan hệ quốc tế thời kỳ này. Quan hệ Việt Nam và Vương quốc Anh cũng không là ngoại lệ.

Vào những năm 70 của thế kỷ XX, quan hệ quốc tế có những dấu hiệu hoà hoãn Đông - Tây. Trong lúc đó, nước Mỹ, trụ cột của một cực, đã sa lầy trong cuộc chiến ở Việt Nam. Thêm vào đó, phong trào của nhân dân tiến bộ trên thế giới chống chiến tranh Việt Nam đã khiến chính phủ nhiều nước có những hoạt động xích lại gần hơn với Việt Nam Dân chủ cộng hoà (VNDCCH). Sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, hàng loạt các quốc gia đã chính thức công nhận và thiết lập ngoại quan hệ ngoại giao với Việt Nam, trong đó có một số nước châu Âu. Trong giai đoạn 1970-1974 nước Anh Thủ tướng Edward Heath chủ trương tăng cường việc đưa nước Anh xích lại gần các nước phương Tây. Sau nhiều thăng trầm trong quan hệ, ngày 1.8.1973 nước Anh đã chính thức tham gia Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC), đánh dấu bước hội nhập của Anh vào Cộng đồng

châu Âu. Chính vì vậy, trước xu thế các nước châu Âu như Pháp, Ý, Bỉ, Hà Lan... và nhiều nước khác trên thế giới thiết lập quan hệ với VNDCCH, Anh không thể hành động ngược lại. Ngày 9.11.1973 Vương quốc Anh và Bắc Ailen và VNDCCH đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

Tuy nhiên, thực tiễn quan hệ giữa hai nước trong suốt gần hai thập niên tiếp theo đã cho thấy việc thiết lập quan hệ ngoại giao này không tiến triển ngoài việc chính phủ Anh công nhận sự tồn tại của nhà nước VNDCCH. Trong hai thập niên (1973 - 1993) có thể khái quát quan hệ Việt-Anh thành hai giai đoạn như sau:

2.1. Giai đoạn từ 1973 - 1986

1973 - 1975 là thời kỳ nhân dân Việt Nam dốc toàn tâm lực cho sự nghiệp thống nhất đất nước, quan hệ giữa hai nước hoàn toàn đóng băng. Chính phủ Mỹ vẫn tiếp tục duy trì thái độ thù địch chống phá cách mạng và công cuộc thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam và Anh luôn là đồng minh số một của Mỹ. Vì vậy, chính phủ Anh vẫn tiếp tục duy trì quan hệ với chính quyền nguy Sài Gòn. Với chính phủ VNDCCH, Anh mới chỉ cử đại biện chưa thiết lập đại sứ như với chính phủ Sài Gòn.

Năm 1975, Việt Nam hoàn toàn thống nhất, quan hệ giữa hai nước bớt căng thẳng hơn. Hai bên đã nâng quan hệ lên cấp đại sứ, thành lập đại sứ quán. Chính phủ Anh bước đầu đã có những hoạt động viện trợ giúp nhân dân Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh và ủng hộ Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn chưa thực chất và chỉ là kết quả nhất

thời do chịu ảnh hưởng của xu thế hoà dịu trong quan hệ quốc tế trên thế giới. Ngoài ra, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân cũng gây áp lực buộc chính phủ Anh phải có một số động thái tích cực. Do đó đây mới chỉ là dấu hiệu hoà dịu trong quan hệ Việt- Anh.

Những năm cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, thế giới lại rơi vào một cuộc khủng hoảng mới, xu thế hoà dịu Đông - Tây vừa đạt được những năm đầu thập niên có nguy cơ bị phá vỡ. Chính sách của Thủ tướng Anh M.Thatcher vẫn “gắn chặt với chính sách đối ngoại Hoa Kỳ”[4]. Sau nhiều năm chiến tranh, Việt Nam bắt đầu công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng lại đất nước trong điều kiện khó khăn về mọi mặt. Thêm vào đó, vấn đề Campuchia và việc người Việt Nam di cư bất hợp pháp đã gây nhiều hiểu lầm và bất lợi cho Việt Nam.

Quan hệ Việt - Anh cũng rơi vào tình trạng tương tự, thậm chí còn trở nên hết sức căng thẳng. Cùng với Mỹ và Trung Quốc, chính phủ Anh đã góp phần vào chiến dịch tuyên truyền chống Việt Nam. Không chỉ ngừng viện trợ, thực hiện chính sách bao vây cấm vận kinh tế, Anh còn lôi kéo Cộng đồng châu Âu (EC) tuyên bố cắt đứt viện trợ và quan hệ kinh tế đối với Việt Nam.

Có thể nói, quan hệ Việt - Anh giai đoạn này chịu ảnh hưởng của sự đối đầu giữa hai cực trong Chiến tranh lạnh vì vậy mặc dù đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao song thực chất quan hệ bị đóng băng.

2.2. Giai đoạn từ 1986-1993

Đây là giai đoạn tuy không dài nhưng lại diễn ra nhiều sự kiện quan

trọng làm thay đổi tình hình quan hệ quốc tế nói chung và tác động mạnh mẽ đến quan hệ song phương Việt - Anh. Hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô tan rã, hệ thống hai cực sụp đổ. Tất cả các quốc gia buộc phải điều chỉnh chính sách đối nội cũng như đối ngoại của mình nhằm phù hợp với bối cảnh quốc tế mới.

Năm 1986 được coi là mốc lịch sử quan trọng của Việt Nam, Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra đường lối đổi mới trên tất cả các lĩnh vực không chỉ làm thay đổi bộ mặt kinh tế của đất nước mà còn tác động đến tất cả các mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam. Việt Nam đã tích cực giải quyết các vấn đề còn gây hiểu lầm trong cộng đồng quốc tế như vấn đề Campuchia, vấn đề người tị nạn... và dần dần thoát khỏi thế bị cấm vận kinh tế, chính trị. Trước xu thế hoà dịu và thiện chí của Việt Nam, Anh đã có những nhìn nhận khác về Việt Nam. Thêm vào đó việc EC đã ghi nhận thiện chí của Việt Nam và tuyên bố bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam đã có tác động tích cực đến quan hệ song phương Việt - Anh.

Giai đoạn 1986 - 1993 có thể coi là thời kỳ khởi động, hâm nóng lại mối quan hệ giữa Việt Nam và Vương quốc Anh. Trong vòng 7 năm này, đã có khoảng 10 chuyến thăm giữa hai bên. Mở đầu là chuyến thăm Việt Nam của đoàn Đại biểu Ủy ban đối ngoại Quốc hội Anh theo lời mời của Bộ Ngoại giao Việt Nam tháng 4.1986, đây là chuyến thăm chính thức ở cấp quốc gia đầu tiên của Anh. Những chuyến thăm này chủ yếu mang tính chất tìm hiểu, thăm dò chứ

chưa đi đến ký kết một văn kiện mang tính pháp lý cho quan hệ song phương. Trong thời gian này chính phủ Anh cử các Quốc vụ khanh sang khai thông quan hệ, các Bộ trưởng Ngoại giao của Việt Nam đã nhiều lần đến thăm Anh.

Về quan hệ kinh tế, nhiều cơ quan chức năng và các doanh nghiệp Anh đã đến Việt Nam để tìm hiểu và tìm kiếm cơ hội. Các công ty Anh có mặt đầu tiên ở Việt Nam đều chủ yếu ở lĩnh vực dầu khí như British Petroleum (BP), Enterprise Oil, Shell... Đây cũng là những tập đoàn đầu tiên đầu tư vào Việt Nam thông qua hình thức ký kết các hợp đồng cùng khai thác với Tổng công ty dầu khí Việt Nam.

Về quan hệ thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai bên còn rất khiêm tốn, song cũng đã có những chuyển biến nhất định. Nhập khẩu của Việt Nam từ Anh đã tăng từ 638 triệu Rup-USD năm 1986 lên 11.381 triệu Rup-USD năm 1993. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam là hoá chất và máy móc. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Anh là dầu khí và một số mặt hàng thực phẩm, mỹ nghệ. Con số xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng từ 1,116 triệu Rup-USD năm 1986 lên 23,017 triệu Rup-USD năm 1993 [8].

Nhìn lại quan hệ Việt - Anh giai đoạn 1986-1993 trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, có thể thấy mặc dù kết quả còn rất nhỏ bé song đây là thời kỳ chuyển tiếp từ tình trạng đóng băng trong 20 năm đầu sau khi chính thức thiết lập quan hệ, sang một thời kỳ mới, quan hệ song phương được nâng lên theo đúng tinh thần hợp tác, hữu nghị.

3. Quan hệ Việt Nam - Vương quốc Anh từ năm 1993 đến nay: Khởi sắc và Triển vọng

3.1. Bối cảnh

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới bước vào một giai đoạn mới, thời kỳ của xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá. Các tổ chức quốc tế và khu vực hình thành là kết quả của xu thế này đồng thời cũng thúc đẩy các quan hệ đa phương và tạo ra cơ hội để quan hệ song phương phát triển.

Với tinh thần tích cực chủ động hội nhập và tăng cường quan hệ quốc tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu ngoại giao quan trọng. Trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, Liên minh châu Âu (EU) và các đối tác châu Âu luôn giữ một vai trò quan trọng. Tháng 11.1990, EU và Việt Nam đã chính thức bình thường hoá quan hệ và thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ. Năm 1994, EU đã công bố “Chiến lược mới hướng tới châu Á” nhằm tăng cường xây dựng mối quan hệ bạn bè ổn định, bình đẳng với châu Á trong đó Việt Nam được coi là mũi đột phá để từ đó xâm nhập vào các thị trường khác của khu vực này. Chính vì vậy, xuất phát từ nhu cầu hợp tác của cả hai phía, tháng 7.1995, Hiệp định khung về hợp tác giữa Việt Nam và EU đã chính thức được ký kết, đặt cơ sở pháp lý và mở ra một triển vọng mới cho không chỉ quan hệ Việt Nam - EU mà còn là quan hệ song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên EU. Cũng trong năm 1995, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), bình thường hoá quan hệ với Mỹ. Thêm vào

đó quan hệ Việt Nam - EU còn được hỗ trợ và bổ sung trong khuôn khổ hợp tác của Hội nghị Thượng đỉnh Á-Âu (ASEM). Tất cả tạo nên một hình ảnh Việt Nam mới trong mắt cộng đồng quốc tế.

Với tư cách là một thành viên tích cực của EU, trước những thay đổi của bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như Việt Nam, chính phủ Anh xem xét và điều chỉnh chính sách đối ngoại với Việt Nam. Vào những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, nước Anh đang trong quá trình phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, Anh lại đứng trước áp lực phải trao trả thị trường hàng đầu của Anh ở châu Á là Hongkong cho Trung Quốc vào năm 1997. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ đặt ra đối với Anh là tìm kiếm và mở rộng thị trường ở khu vực châu Á. Việt Nam là một thị trường mới, nhiều tiềm năng, do đó cần phải tạo chỗ đứng thông qua việc mở rộng quan hệ chính trị kinh tế với quốc gia này. Anh là một trong những nước Tây Âu đầu tiên ủng hộ công cuộc đổi mới của Việt Nam. Trong thời gian giữ chức Chủ tịch luân phiên của EC, Vương quốc Anh đã ủng hộ Việt Nam ký kết Hiệp định hàng dệt may với EC năm 1992.

3.2. Thành tựu

a. Lĩnh vực chính trị ngoại giao

Sau thời gian khởi động và hâm nóng quan hệ (1986-1993), trước những tác động tích cực của tình hình quốc tế cũng như tình hình trong nước, quan hệ Việt - Anh đã bước vào một giai đoạn mới, khởi sắc và phát triển.

Đánh dấu cho giai đoạn này là chuyến thăm Vương quốc Anh của Thủ

tướng Võ Văn Kiệt tháng 7.1993. Đây là chuyến thăm nước Anh đầu tiên của Thủ tướng Việt Nam sau 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Quan hệ chính trị giữa hai bên được khai thông và mở đường cho hàng loạt các cuộc viếng thăm ở nhiều cấp độ giữa hai chính phủ với mục đích mở rộng và phát triển hợp tác. Nhiều bộ trưởng Anh đã có mặt ở Việt Nam như: Bộ trưởng Ngoại giao Douglas Hurd tháng 4.1994; Bộ trưởng Tài chính Kenneth Clarke tháng 1.1995; Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp P.L.Fraser tháng 11.1995; Bộ trưởng Giao thông vận tải George Young tháng 8.1996... Quan trọng hơn cả là chuyến thăm chính thức Việt Nam của Công chúa Hoàng gia Anh Anne Elizabeth Alido tháng 3.1994. Sau đó Công chúa cũng đã quay lại thăm Việt Nam vào tháng 5.2002. Những chuyến thăm của Công chúa đã thúc đẩy các dự án phúc lợi hỗ trợ phụ nữ và trẻ em Việt Nam.

Về phía Việt Nam, nhiều đoàn đại diện của chính phủ đã đến thăm chính thức Vương quốc Anh nhằm tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước. Trong số đó có chuyến thăm của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá, tháng 3.1997; Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm tháng 2.1998; và trong chuyến đi London dự ASEM 2, Thủ tướng Phan Văn Khải đã có cuộc hội đàm với Thủ tướng Anh nhằm thúc đẩy quan hệ song phương...

Như vậy, những năm cuối thập niên 90, quan hệ Việt - Anh đã thực sự được khai thông và khởi sắc. Các kết quả đạt được từ những chuyến thăm giữa hai bên

chủ yếu là những thoả thuận về viện trợ phát triển, vay vốn ODA (như thoả thuận cho Việt Nam vay 50 triệu bảng Anh năm 1994) và Anh cố gắng thúc đẩy một số dự án ưu tiên, đặc biệt là các dự án dầu khí... Sang đầu thế kỷ XXI, quan hệ Việt - Anh đã dần chuyển sang một hình thái mới, hợp tác kinh tế, thương mại trên cơ sở hai bên cùng có lợi, đáp ứng nguyện vọng của hai quốc gia.

Có thể thấy sự chuyển biến này qua kết quả các chuyến thăm giữa hai bên. Trong chuyến thăm Anh của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên tháng 9.2001, chính phủ Anh đã khẳng định coi Việt Nam là một đối tác quan trọng trong chính sách hợp tác kinh tế, đầu tư và thương mại ở Đông Nam Á; cam kết tăng cường ODA; khuyến khích doanh nhân Anh đầu tư vào Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi để hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU và ủng hộ Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Tuyên bố này một lần nữa được khẳng định khi Phó Thủ tướng Anh John Prescott tới thăm chính thức Việt Nam tháng 12.2001. Đây là chuyến thăm cấp cao nhất của chính phủ Anh tới Việt Nam, đánh dấu một bước phát triển mới cả về bề rộng lẫn chiều sâu trong quan hệ giữa hai nước. Thành tựu quan trọng nhất của các chuyến thăm này là các văn bản pháp lý được ký kết, tạo nền tảng cho quan hệ hợp tác giữa hai bên như Hiệp định về cơ chế và hoạt động của Hội đồng Anh tại Việt Nam (12.2001); Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (8.2002); Hiệp định về chuyển giao quyền sở hữu tài sản ngoại giao (9.2003)...

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, năm 2004 đã trở thành năm gặt hái những thành công trong quan hệ Việt - Anh trên tất cả các lĩnh vực. Trong năm này liên tục có các chuyến công du của đại diện chính phủ hai nước. Trong đó, chuyến thăm Vương quốc Anh của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tháng 5.2004 đã hứa hẹn một bước phát triển mới cho quan hệ song phương này. Cũng trong dịp này, Thủ tướng Anh Tony Blair đã coi quan hệ Anh - Việt là “quan hệ đối tác chiến lược”, Việt Nam là đối tác chính trị - kinh tế quan trọng, đầy tiềm năng. Chuyến thăm đã kết thúc tốt đẹp với các cam kết viện trợ và đầu tư mới của chính phủ và doanh nghiệp Anh.

Bên cạnh đó, quan hệ Nghị viện, quân sự, lãnh sự... giữa hai bên cũng được đẩy mạnh và góp phần thúc đẩy quan hệ song phương toàn diện hơn. Sau chuyến thăm Anh của Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh tháng 10.1993, nhiều đoàn Nghị sĩ Anh đã sang thăm Việt Nam. Các chuyến thăm này đã giúp hai bên hiểu nhau hơn, tạo điều kiện phát triển quan hệ song phương. Và gần đây nhất, tháng 3.2005, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An đã thăm chính thức Anh với mục đích thúc đẩy đối thoại cấp cao, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Vương quốc Anh.

b. Lĩnh vực kinh tế

Sự khởi sắc và phát triển trong lĩnh vực chính trị ngoại giao đã đặt nền tảng cho các quan hệ khác, đặc biệt là quan hệ kinh tế.

Trong *lĩnh vực thương mại*, từ năm 1993, sau 12 năm gián đoạn, chính phủ Anh đã tháo gỡ bảo hiểm tín dụng xuất

khẩu đối với Việt Nam, hàng hoá của Việt Nam được hưởng những chế độ ưu đãi như các quốc gia đang phát triển khác. Do đó, quan hệ thương mại giữa hai bên có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn. Từ năm 1995 đến năm 2003, xuất khẩu của Việt Nam sang Anh liên tục tăng qua các năm: từ con số rất khiêm tốn là 74,6 triệu USD năm 1995 đã tăng lên hơn 10 lần vào năm 2003, 755 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu từ Anh cũng tăng dần lên từ 50,7 triệu USD năm 1995 lên 217 triệu USD năm 2003 [7]. Năm 2004, Anh là đối tác thương mại lớn thứ hai của EU tại Việt Nam sau CHLB Đức. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Anh là giày dép, hàng dệt may, sản phẩm gỗ, cà phê, thủy sản, hàng thủ công mỹ nghệ... và mặt hàng nhập khẩu chính từ Anh là thiết bị máy móc, phụ tùng, sợi hoá học, dược phẩm...⁽¹⁾

Kết quả này có được là do sự nỗ lực xuất phát từ nhu cầu phát triển của cả hai phía trong suốt thời gian vừa qua. Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh đã coi Việt Nam là một trong “những vùng đất cơ hội” trong chiến dịch thúc đẩy thương mại. Việt Nam cũng có nhu cầu về nguồn vốn đầu tư, thị trường và công nghệ cũng như “vị trí chủ chốt” của Anh trong EU. Do đó hai bên đã có nhiều hoạt động để tăng cường quan hệ kinh tế song phương. Bên cạnh các Hiệp định có tính thúc đẩy quan hệ kinh tế, Anh đã lập Hiệp hội thương mại Anh ở Việt Nam nhằm giúp các doanh nhân Anh thu thập các thông tin về thị trường Việt Nam. Hiện nay, Anh đã có 138 văn phòng đại

⁽¹⁾ <http://www.dei.gov.vn>

diện và chi nhánh thương mại thường trú tại Việt Nam. Năm 1999, Việt Nam là một trong ba đối tác được Bộ Thương mại quốc tế Anh chọn làm đối tác cho chương trình hợp tác giữa doanh nghiệp Anh và doanh nghiệp nước đối tác. Các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chương trình này có điều kiện tiếp xúc với các công ty của Anh, có cơ hội mở rộng quan hệ thương mại và chuyển giao công nghệ. Cũng cuối năm này, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Tổng lãnh sự quán Anh tại thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức giới thiệu thành công “Chương trình hợp tác Việt - Anh” với sự tham gia của 120 doanh nghiệp Anh và Việt Nam. Chương trình đã tạo cơ hội cho doanh nghiệp hai bên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác kinh doanh.

Trong lĩnh vực đầu tư, ở giai đoạn đầu của thập niên 90, các số liệu cho thấy đầu tư trực tiếp (FDI) của Anh vào Việt Nam không đáng kể. Tuy nhiên, những con số đó đã không đánh giá được thực chất hoạt động đầu tư của Anh ở Việt Nam. Bởi lẽ Anh đã đầu tư một lượng lớn, chiếm tới 50% tổng giá trị đầu tư, thông qua các tập đoàn đa quốc gia hoặc một nước thứ ba như Singapore, Hà Lan, Philippines, Hongkong...[1]. Tuy vậy hình thức đầu tư gián tiếp này càng về sau càng giảm do các doanh nghiệp Anh đã tin tưởng hơn vào thị trường Việt Nam, đặc biệt là sau khi Hiệp định bảo hộ thương mại và đầu tư được ký kết năm 2002.

Đến tháng 4.2004, Anh đã có 53 dự án với tổng vốn đầu tư gần 1.2 tỷ USD, đứng thứ 11 trong số các nước có đầu tư vào Việt Nam và đứng thứ 3 trong số các

nước EU⁽²⁾. Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu của Anh là dầu khí, một số ngành công nghiệp nặng, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... BP và Prudential là hai công ty lớn và thành công trong kinh doanh ở Việt Nam. BP đã có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, năm 1987, với dự án thăm dò dầu khí Nam Côn Sơn, BP là công ty nước ngoài có dự án đầu tư lớn nhất tại Việt Nam với số vốn là 1,3 tỷ USD. Có mặt ở Việt Nam từ năm 1994, công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential nhanh chóng đứng đầu các công ty bảo hiểm nước ngoài và được đánh giá là dự án đầu tư nước ngoài thành công nhất tại Việt Nam. Mặt khác, Việt Nam cũng có được một số dự án đầu tư vào Vương quốc Anh như dự án Fareast Shipping & Trading giữa Liên hiệp Hàng hải Việt Nam và công ty Chemex, dự án Vinatea - Anh giữa công ty xuất nhập khẩu và đầu tư chèo Việt Nam với R.E.A Holding PLC của Anh...

c. Lĩnh vực văn hoá - giáo dục

Có thể nói đây là một trong những lĩnh vực hợp tác Việt - Anh quan trọng. Từ năm 1993 đến nay, quan hệ song phương trong lĩnh vực này liên tục phát triển và được đánh giá là thành công nhất.

Về giáo dục, quan hệ hợp tác chủ yếu tập trung vào việc đào tạo tiếng Anh. Đây là nhu cầu cấp thiết của Việt Nam, lại là thế mạnh của Anh. Tổ chức được chính phủ Anh giao nhiệm vụ này là Hội đồng Anh tại Việt Nam. Có mặt từ cuối năm 1993, Hội đồng Anh đã tiến hành dạy tiếng Anh ở Hà Nội, sau đó mở rộng cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh. Mặt

⁽²⁾ <http://www.dei.gov.vn>

khác, chính phủ Anh cũng có những dự án tài trợ thiết bị giảng dạy cho nhiều trường đại học của Việt Nam. Đào tạo sau đại học cũng là lĩnh vực Anh quan tâm và khuyến khích. Chính phủ Anh đã phối hợp với trường Đại học Kinh tế quốc dân mở các khoá đào tạo MBA bằng tiếng Anh. Vương quốc Anh cũng là một trong những địa chỉ hấp dẫn, thu hút sinh viên Việt Nam du học. Trong những năm gần đây số lượng học sinh, sinh viên được đào tạo ở Anh tăng lên và họ trở thành một cầu nối cần thiết trong việc phát triển quan hệ giữa hai nước. Tuy nhiên, các học bổng do chính phủ Anh tài trợ còn tương đối hạn chế nên hợp tác trong lĩnh vực này chưa thực sự tương xứng với tiềm năng cũng như nhu cầu của hai bên.

Trong lĩnh vực hợp tác văn hoá, hai bên đã tiến hành ngày càng nhiều các hoạt động giao lưu văn hóa. Các đoàn nghệ thuật của Việt Nam đã được mời sang Anh biểu diễn, những “Ngày Việt Nam” ở Anh cũng được tổ chức thường xuyên... nhằm giới thiệu hình ảnh Việt Nam với nhân dân Anh. Trong lĩnh vực này, Hội đồng Anh là nhân tố tích cực trong việc giới thiệu văn hoá Anh tại Việt Nam. Hội đồng Anh đã mời các nghệ sĩ Anh sang biểu diễn ở Việt Nam, đồng thời cũng tài trợ cho các nghệ sĩ Việt Nam trong nhiều lĩnh vực như múa, âm nhạc, nhiếp ảnh, hội hoạ, thời trang... sang Anh học tập và biểu diễn.

Những thành tựu trong lĩnh vực hợp tác văn hoá - giáo dục đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy quan hệ song phương Việt - Anh.

d. Lĩnh vực hợp tác phát triển

Lĩnh vực hợp tác phát triển luôn là thế mạnh của Anh tại Việt Nam. Mức ODA của Anh dành cho Việt Nam đã tăng từ 20 triệu USD/năm (1992-1998) lên 40 triệu USD/năm (2003-2004) và lên tới 100 triệu USD/năm (2004-2005)⁽³⁾. Hiện nay Anh là nhà tài trợ số một tại Việt Nam. Viện trợ của Anh phù hợp với các ưu tiên của Việt Nam. Từ năm 2005, Anh đã đề nghị thực hiện phương thức hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho các chương trình xoá đói giảm nghèo của chính phủ Việt Nam. Để phương thức tài trợ được linh hoạt, Anh cũng đã có sự điều chỉnh chính sách từ viện trợ hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp tín dụng ưu đãi sang chỉ thuần tuý viện trợ không hoàn lại. Thủ tục cam kết tài chính song phương cũng tương đối đơn giản. Các dự án hợp tác phát triển của Anh đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

3.3. Triển vọng

Nhìn lại chặng đường hơn 10 năm qua, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Vương quốc Anh trên mọi lĩnh vực đã có những bước phát triển rất tích cực cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Từ quan hệ mang tính ngoại giao chính trị và viện trợ phát triển trong những năm 90, bước sang thế kỷ XXI, đã chuyển biến sang hình thái hợp tác kinh tế dựa trên lợi ích của cả hai bên. Vương quốc Anh, từ một thị trường tiềm năng đã trở thành đối tác quan trọng của Việt Nam trong EU. Việt Nam, từ một đối tác ít được quan tâm đã được chính phủ Anh đánh giá là “đối tác

⁽³⁾ <http://www.mofa.gov.vn>

quan trọng” và hiện nay được nâng lên là “đối tác chiến lược” của Anh.

Tuy nhiên, quan hệ Việt - Anh vẫn được đánh giá là “chưa tương xứng với tiềm năng” của hai bên. Quan hệ song phương Việt - Anh chưa thể so sánh với quan hệ của Anh với nhiều đối tác khác trong khu vực như Singapore, Malaysia, Brunei... Mặt khác, mỗi quan hệ này cũng còn quá khiêm tốn so với quan hệ của Việt Nam với một số thành viên EU khác như Pháp, Đức...

Để đánh giá được triển vọng của mỗi quan hệ này, trước hết phải xem xét lại chính sách đối ngoại của cả hai bên. Rõ ràng, trong chính sách đối ngoại hiện nay của Thủ tướng Tony Blair, Việt Nam không có nhiều lợi thế so với các nước đang phát triển khác thuộc Khối Thịnh Vượng chung. Song với vị trí chiến lược và vai trò năng động trong khu vực, Việt Nam lại nằm trong chính sách đối ngoại nhằm nâng cao vị thế của Anh trên trường quốc tế thông qua chiến lược phổ biến văn hoá Anh ra toàn thế giới và lĩnh vực hợp tác phát triển. Vì vậy, khả năng tăng cường và mở rộng quan hệ với Vương quốc Anh có tính khả thi.

Về phía Việt Nam, EU ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại rộng mở. Tăng cường quan hệ hợp tác song phương với các thành viên của Liên minh sẽ thúc đẩy quan hệ đa phương và ngược lại. Anh là một thành viên chủ chốt của EU, vì vậy Việt Nam không thể coi nhẹ đối tác này. Hơn nữa, trong thời gian vừa qua, những thành tựu trong quan hệ giữa hai nước đã đưa

Anh trở thành một trong những đối tác hàng đầu của Việt Nam ở EU. Đó vừa là điều kiện thuận lợi vừa là động lực thúc đẩy Việt Nam khai thác quan hệ này, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước.

Ngoài những thuận lợi và khó khăn xuất phát từ chính sách đối ngoại của hai bên, vẫn còn tồn tại nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan tác động mạnh mẽ đến quan hệ song phương Việt - Anh. Đó là những yếu kém của các nhà doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế Việt Nam nên chưa khai thác được hết những khả năng hợp tác với các doanh nghiệp Anh. Đó cũng có thể là những bất ổn về kinh tế, chính trị, an ninh ở mỗi quốc gia, đặc biệt, hiện nay, nước Anh đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức về an ninh, khủng bố. Tất cả đều có thể tạo trở ngại cho việc phát triển quan hệ song phương.

Đã có nhiều tài liệu, cũng như có nhiều tác giả bàn về các biện pháp thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại... để khai thác triệt để hơn quan hệ song phương Việt - Anh. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này, xin phép không bàn lại những biện pháp đó. Dưới góc độ nghiên cứu cá nhân, chỉ xin đưa ra một gợi ý mang tính khái quát nhất. Để thúc đẩy quan hệ song phương Việt - Anh nói riêng cũng như quan hệ của Việt Nam với các thành viên khác và quan hệ đa phương nói chung, Việt Nam cần thiết phải duy trì và nâng cao vị thế quốc tế, vì đây sẽ là lực hút quan trọng khi các đối tác xem xét vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Ngọc Bích, Việt - Anh Quan hệ hợp tác và đầu tư, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 3&4/1996.
2. Bộ Ngoại Giao Việt Nam, *Thông tin cơ bản về Anh và quan hệ với Việt Nam*
3. British Embassy Hanoi, *Vietnam & UK - Strategic Partnership*, 2005
4. Hoàng Huy, Một thời dằn vặt của chính trị nước Anh, *Báo Nhân dân* ngày 5.4.1977
5. Nguyễn Quang Ngọc, *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
6. Nguyễn Văn Chương, Vua Tây Sơn tiếp một doanh nhân Anh quốc, *Báo Quốc tế Xuân Ất Dậu 2005.z*
7. Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê, 1997, 1999, 2001; Xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam 2002; Thông tin cơ bản về Anh và quan hệ với Việt Nam của Bộ Ngoại Giao*, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê, *Việt Nam-Thương mại thời mở cửa*, tr. 235,238,241,244,288, Hà Nội, 1997.
9. Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, NXB Sử học, Hà Nội, 1961.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXII, N_o1, 2006

THE UPS AND DOWNS OF THE RELATIONSHIP BETWEEN VIETNAM AND THE UNITED KINGDOM (FROM 1973 TO NOW)

MA. Bui Hong Hanh

Departments of International Studies

College of Social Sciences and Humanities, VNU

The United Kingdom (UK) and the Socialist Republic of Vietnam established diplomatic relations in 1973. However they had connection by the British merchantships since the beginning of 17th century. During two World Wars in early half- 20th century, Vietnam and UK stood at difference positions so they did not have chance to build the relation. From 1973 up to now, the bilateral relationship has gone through the mill. It can be divided into two phrases: from 1973 to 1993 and from 1993 up to now. In the first period (1973-1993) the bilateral relation had been affected by the Cold War so it could not overcome some misunderstands to develop. Since 1993, in the new context of the world as well as Vietnam, the bilateral relationship has developed to include a wide-range of issues, from high-level political contacts, through growing trade and investment links, active education and cultural exchanges, increased in numbers of development assistance programmes. UK is considered as the key EU partner of Vietnam while little care partner in the past, Vietnam, now becomes one of the UK important ones. These achievements have shown that the UK-Vietnam relations are excellent and are set to improve further.